

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 7 – 2021

V/v Ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Vinh Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Diễm Huyền.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Cúc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm Sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2021/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2021, về việc Ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 387/8, ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Anh Trần Ngọc Hoàng L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ N và anh Trần Ngọc Hoàng L quen biết nhau và có tình cảm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2015, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện Kế Sách và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01, ngày 05/01/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến cuối năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên đã ly thân



đến nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N có nguyện vọng ly hôn với anh L.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một người con chung là cháu Trần Thị Đỗ U, sinh ngày 31/01/2016, hiện nay đang sống chung với anh L.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Trần Ngọc Hoàng L.

- Về con chung: Chị đồng ý giao cháu Trần Thị Đỗ U cho anh L nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Theo Biên bản xác minh ngày 08/6/2021, ông Trần Ngọc Thành, là cha ruột của anh Trần Ngọc Hoàng L cho biết như sau: Ông có nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có thông báo cho anh L biết việc ly hôn của chị N. Ý kiến của anh L cũng đồng ý ly hôn với chị N; Con chung anh L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Thị Đỗ U và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không có.

\*Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Ngọc Hoàng L, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do; Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ N vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.



[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ N và anh Trần Ngọc Hoàng L tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và tuân thủ quy định tại các điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, chị N và anh L có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, nên đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, đến thời điểm này, cả chị N và anh L cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa hai người cũng đồng ý ly hôn với nhau. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị N và anh L có 01 người con chung là cháu Trần Thị Đỗ U, sinh ngày 31/01/2016, hiện đang sống với anh L.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Xét thấy, cháu U này từ nhỏ đã được người cha và gia đình bên nội chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người cha trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tránh thay đổi môi trường sống của trẻ nhỏ không cần thiết. Nếu sau này người cha nuôi dưỡng không tốt thì người mẹ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Chị N cũng đồng ý giao người con chung này cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu U cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này cho chị N, không ai được ngăn cản.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh L đối với chị N.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,



giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[10] Đề nghị của Kiểm Sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

#### ***Tuyên xử:***

1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ N được ly hôn với anh Trần Ngọc Hoàng L.

2) Về con chung: Giao cho anh L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Đỗ U, sinh ngày 31/01/2016, đến tuổi thành niên; Chị N được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh L đối với chị N.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009758, ngày 05/4/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

7) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.



**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân thị trấn K;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Trần Vinh Thắng**